-TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1398/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 16/10/2019
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Võ Thị Hoài Nam**

2. Ông **Bùi Quang Việt**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Tăng Thị Hồng Thanh** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông **Cao Hoàng Thắng –** Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 470/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4487/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1966

Địa chỉ: T Plaza, Đường M, phường N, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà **Nguyen Kim T,** sinh năm 1976

Địa chỉ: Australia.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 03/7/2019 và bản tự khai, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ông và bà Nguyen Kim T quen biết nhau vào năm 2014, sau đó hai bên có tiến hành làm thủ tục đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 421, quyển số 03 ngày 12/02/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại Việt Nam khoảng 03 tuần thì bà T trở về Úc sinh sống và làm việc. Thời gian đầu vợ chồng thường xuyên liên lạc với nhau, bà T có về Việt Nam thăm ông 03 lần mỗi lần khoảng 02 tuần. Sau đó việc liên lạc giảm dần, vì khoảng cách giữa hai nơi quá xa, vợ chồng không sắp xếp được điều kiện sống gần nhau nên tình cảm lạnh nhạt. Dù

vợ chồng đã nói chuyện, bàn bạc nhưng vẫn không giải quyết được vấn đề. Do đó, từ cuối năm 2017 đến nay, hai bên đã chấm dứt mọi liên lạc. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ tiếp tục cuộc sống chung là không thể nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Nguyen Kim T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: không có

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại Bản tự khai ngày 18/7/2019 (được Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Perth, Australia chứng nhận chữ ký ngày 26/7/2019), bị đơn bà Nguyen Kim T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn H tự nguyện kết hôn ngày 29/01/2015 tại Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn vào sổ số 421, quyển số 03 ngày 12/02/2015.

Thời gian đầu vợ chồng bà chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn do mỗi người mỗi nơi, bà và ông H ít liên lạc nên tình cảm vợ chồng phai nhạt. Bà sinh sống và làm việc tại Úc còn ông H vẫn ở Việt Nam. Thời gian xa cách kéo dài nên tình cảm vợ chồng không còn, giữa hai bên cũng không còn liên lạc qua lại.

Nay ông H xin ly hôn bà đồng ý vì tình cảm vợ chồng không còn, lại không có khả năng đoàn tụ gia đình và cũng để tạo điều kiện cho hai bên ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Nguyễn Văn H và bị đơn bà Nguyễn Kim T đều vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, thủ tục ủy thác tư pháp, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu và thủ tục xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

- Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Ông Nguyễn Văn H được ly hôn bà Nguyen Kim T. Con chung: không có. Tài sản chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H đang cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; bị đơn bà Nguyen Kim T cư trú tại nước Úc; giữa đôi bên có tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 2 Điều 38, Điều 464, Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H, bị đơn bà Nguyen Kim T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy:

Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyen Kim T tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2015, có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn vào Sổ số 421, quyển số 03 ngày 12/02/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, hôn nhân giữa đôi bên là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

Theo lời khai của ông H, sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với nhau tại Việt Nam được khoảng 03 tuần thì bà T quay trở về nước Úc. Sau đó bà T có về Việt Nam thăm chồng được 03 lần mỗi lần khoảng 02 tuần. Trong thời kỳ hôn nhân thời gian vợ chồng hạnh phúc bình thường rất ngắn. Nguyên nhân xảy ra bất hòa là do vợ chồng sống xa nhau, không có điều kiện quan tâm chăm sóc, chia sẻ khó khăn dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, lạnh nhạt dần. Mặc dù vợ chồng đã nói chuyện bàn bạc giải quyết bất hòa nhưng vẫn không có kết quả. Từ cuối năm 2017 đến nay, đôi bên đã chấm dứt mọi liên lạc. Ông H xác định không còn tình cảm với vợ, không thể tiếp tục cuộc hôn nhân được nữa và có yêu cầu ly hôn. Lời khai bà Nguyen Kim T cũng xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ gia đình, bà đồng ý ly hôn để ổn định cuộc sống riêng.

Xét, tình nghĩa vợ chồng phải xuất phát từ cả hai phía cùng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng và cùng có trách nhiệm quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Thực tế vợ chồng đã không còn sống cùng nhau, không tạo được điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn giữa vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng. Do đó, nếu tiếp tục kéo dài quan hệ hôn nhân nói trên thì mục đích của hôn nhân cũng không thể đạt được. Xét, đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu được ly hôn của ông H.

Về con chung: Đôi bên thống nhất khai không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyen Kim T đều khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng nguyên đơn chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 2 Điều 38, Điều 464, khoản 1 Điều 469, Điều 478, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 123, Điều 124, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự 2008;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn;

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn H được ly hôn bà Nguyen Kim T.

Giấy chứng nhận kết hôn vào Sổ số 421, quyển số 03 ngày 12/02/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không có.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng ông Nguyễn Văn H phải chịu, nộp tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, cấn trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông H đã nộp tại Biên lai thu số AA/2019/0024223 ngày 19/8/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, ông H đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn ông Nguyễn Văn H và bị đơn bà Nguyen Kim T; ông Nguyễn Văn H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ, bà Nguyen Kim T được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Hoài Nam **Bùi Quang Việt** **Trần Thị Nhung**

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.



Trần Thị Nhung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân cấp cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Nhung